TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ - ST
Ngày:14 - 4 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương Mai và ông Phạm Văn Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Mai – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXX - ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1956. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Kiều Như N, sinh năm 1938. Xin xét xử vắng mặt.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã Ứ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà với ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng kí kết hôn tháng 4 năm 2004 tại UBND xã Minh Đức cũ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội – nay là xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Bùng, xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa cùng với ông N. Khi đó các con riêng của ông N đều đã trưởng thành ra ở riêng rồi nên chỉ có hai vợ chồng ở chung với nhau. Cuộc sống vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói, cách cư xử, hơn nữa không ai quan tâm đến ai, ông N giận dỗi đòi ăn riêng, sau đó khóa xe đạp không cho bà đi, cắt điện cắt nước của bà, thậm chí còn chửi bới cả bố mẹ bà, vứt

chăn màn của bà đi. Hiện vợ chồng bà tuy ở chung nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Mâu thuẫn trầm trọng và tích tụ trong nhiều năm, khiến bà thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông N được nữa, nên tôi đề N Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Bà T ông N có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 80m^2 trên thửa đất có địa chỉ tại thôn Bùng, xã Ứng Hòa, TP Hà Nội, trước đây bà có đề N chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng ngày 30/3/2026 bà xin rút yêu cầu chia tài sản chung này, chỉ đề N Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn ông Kiều Như N:

Ông xác nhận quan hệ hôn nhân như bà T khai là đúng, ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 4 năm 2004 tại UBND xã Minh Đức cũ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội – nay là xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn Bùng, xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa. Khi đó các con riêng của ông đều đã trưởng thành ra ở riêng rồi nên chỉ có hai vợ chồng ở chung với nhau. Qúa trình vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhưng đến tháng 9/2025 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất,nguyên nhân do tuổi cao nên ông muốn ăn riêng cho chủ động, ăn riêng ngủ riêng không ai phụ thuộc ai, hơn nữa thời gian gần đây bà T cứ đi đâu đến 22 giờ mới về mà không nói với ông, mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng ông bà đã ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ tháng 9/2025 đến nay.

Nay bà T làm đơn ly hôn, quan điểm của ông là đồng ý ly hôn.

Do tuổi cao nên ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy

đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề N HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Hà Thị Hương và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Kiều Như N; ông bà không có con chung nên không xét; tài sản chung, công nợ chung: các bên đều không đề N Tòa xét nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn Bùng, xã Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội nên TAND khu vực 12 – Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại N quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; N quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Kiều Như N xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Kiều Như N là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tháng 4 năm 2004 tại UBND xã Minh Đức cũ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội – nay là xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, tôn trọng nhau. Mâu thuẫn trầm trọng mặc dù vẫn còn ở chung nhà nhưng ông bà đã ăn riêng, ngủ riêng, thậm chí nguồn nước, nguồn điện riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay bà T làm đơn ly hôn thì ông N cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể ở cùng nhau được nữa, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa….Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà T xin ly hôn ông N là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà T ly hôn ông N.

Về con chung: Bà T ông N không có con chung nên không xét.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề N Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn bà T được miễn án phí vì là người cao tuổi.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà T và bị đơn ông N có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng N quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; N quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Kiều Như N.

2. Về con chung: Bà T ông N không có con chung, nên không xét.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề N xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Bà T được miễn án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Phong